



NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

ThS. Phạm Phú Quốc
ThS. Lê Tấn Luật

Bài viết này thảo luận quan điểm về nghiên cứu khoa học (NCKH), từ đó đối chiếu với thực trạng môi trường nghiên cứu hiện nay của Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh nhằm tìm giải pháp nâng cao hiệu quả của việc NCKH của giảng viên, vốn là một trong hai hoạt động chính của giảng viên đó là giảng dạy và nghiên cứu. Từ việc hiểu chưa đúng về NCKH và hạn chế về nguồn lực, thành tựu NCKH của Trường chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có... Điều kiện nghiên cứu lý tưởng như ở các nước phát triển thì khó đạt được, nhưng tổng hợp tác động của các thay đổi nhỏ cũng có thể tạo nên hiệu quả lớn, đó là một môi trường khuyến khích giảng viên NCKH. Các đề xuất chính của bài này là cần chính sách cụ thể để khuyến khích nghiên cứu, nên hội nhập về NCKH, xuất bản và thường xuyên bồi dưỡng các kỹ năng nghiên cứu cho giảng viên.

Dẫn nhập

“Tự học cũng là NCKH”, “không phạm lỗi đạo văn nếu có liệt kê nguồn ở mục tài liệu tham khảo”, “có thể làm NCKH không cần định lượng”... Những ngộ nhận trên rất phổ biến trong giảng viên và sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, hệ quả là Trường chưa có nhiều công trình NCKH đúng chuẩn. Ngoài ra, khi giảng viên trẻ và sinh viên hiểu sai về NCKH thì sẽ có hại cho sự nghiệp nghiên cứu của họ sau này. Bài viết này xem xét từ góc khái niệm NCKH và đối chiếu với thực trạng hiện nay của Trường để tìm ra những giải pháp đơn giản và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động NCKH của Trường. Với mục đích đó, bài viết không nói về ưu điểm và thành tựu của Trường đạt được trong thời gian qua, mà chỉ tập trung bàn về những vấn đề cần cải tiến. Nội dung liên quan NCKH được đề cập dưới ba góc độ là quan điểm, thực trạng và hướng giải quyết.

Nghiên cứu khoa học là gì?

NCKH là gì và tầm quan trọng của nó, tuy đây là vấn đề không mới, nhưng cần được

xác định rõ trước khi xây dựng chiến lược NCKH cho Trường. Điều này cần thiết, vì chúng liên quan tới các giải pháp cho thực trạng nghiên cứu hiện nay.

NCKH có nhiều cấp độ khác nhau. Ở cấp độ thấp, NCKH được coi là hoạt động tìm hiểu những vấn đề, những kiến thức có sẵn rồi tập hợp chúng lại theo mục đích của người nghiên cứu, nhằm giúp độc giả hiểu vấn đề đó hoặc để góp ý cho các hoạt động trong cuộc sống (Văn Như Cương, 2009). Dạng này chỉ phù hợp cho người mới tập làm nghiên cứu hoặc tích hợp vào các chương trình đào tạo bậc cử nhân trở xuống, để sinh viên làm quen với NCKH thông qua các bài tập nhóm, tiểu luận hoặc khóa luận. NCKH ở cấp nhập môn này vẫn rất cần sự hướng dẫn của người có kinh nghiệm để tránh các sai lầm về phương pháp NCKH, nhất là tránh đạo văn, thói quen xấu làm hại nhà nghiên cứu sau này.

Trường đại học cần hướng tới NCKH ở cấp độ cao hơn, theo xu hướng hội nhập; ở đó, “NCKH là một hoạt động của con người nhằm mở rộng tri thức qua các phương

pháp khoa học” (Nguyễn Văn Tuấn, 2009). Trước tiên, công trình NCKH phải bổ sung kiến thức ngành nói riêng và nhân loại nói chung. Muốn vậy, nhà nghiên cứu phải biết những công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến công trình của mình mới ước định được công trình có đóng góp gì cho khoa học và thực tiễn. Ngoài ra, công trình phải tuân thủ phương pháp NCKH theo trình tự như đặt câu hỏi (research question), thu thập thông tin hiện hành, đặt giả thuyết, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, diễn giải kết quả phân tích, công bố kết quả và tái kiểm định giả thuyết (Nguyễn Văn Tuấn, 2009). Nguyễn Lan Phi và Anwar (2011) là ví dụ cho nghiên cứu theo dạng này.

Để kết quả nghiên cứu được cộng đồng khoa học thừa nhận, nhà nghiên cứu không chỉ phải cập nhật kiến thức mới nhất về lĩnh vực mình đang nghiên cứu mà còn phải sử dụng thành thạo các công cụ phân tích định tính và định lượng phù hợp.

NCKH có tầm quan trọng không kém hoạt động đào tạo. NCKH rất cần thiết để làm tăng uy tín học thuật và từ đó làm tăng thứ hạng của Trường. Trong xu hướng hội nhập, cách tính thứ hạng của các trường phụ thuộc nhiều vào các công trình khoa học được đăng trên các tạp chí uy tín, hiện nay là các tạp chí quốc tế (Thanh Hà, 2008)¹.

Nếu chúng ta không có chiến lược NCKH đúng thì sẽ gặp bất lợi khi được phân loại theo xu hướng này. Phát triển hệ thống đại học theo hướng hội nhập là một trong những nội dung chiến lược của Bộ Giáo dục và Đào tạo thể hiện qua Quyết định 121/2007/QĐ-TTg, được ban hành ngày 27/7/2007. Trong đó, hệ thống đại học sẽ được phân làm ba cấp: (i) Các trường đại học được xếp hạng trong nhóm 200 trường hàng đầu thế giới; (ii) Các trường đại học đào tạo định hướng nghiên

cứ; (iii) Các trường đại học, cao đẳng đào tạo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng.

Trường Đại học Ngân hàng phải thể hiện rõ mục tiêu của Trường là lọt vào nhóm nào trong phân loại nói trên. Bài viết giả định Trường nỗ lực để chỉ ít được xếp vào nhóm hai. Một khi thứ hạng của Trường thấp sẽ kéo theo nhiều thiệt hại như sinh viên giỏi không thích đăng ký vào Trường, người giỏi ngại về công tác, các trường đại học hoặc tổ chức uy tín hạn chế hợp tác và các chương trình tài trợ không dành ưu tiên cho Trường. Ngoài ra, khó có thể đào tạo tốt nếu Trường không có NCKH tốt. Do đó, NCKH cần được đặt ngang tầm với hoạt động đào tạo.

Thực trạng nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh

Các công trình NCKH hiện nay ở Trường chủ yếu tổng hợp kiến thức đã có hơn là các phát hiện mới và hầu hết chưa sử dụng tốt các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nhiều công trình hiện được coi là định tính thực chất chưa dùng đúng các phương pháp nghiên cứu định tính; ngoài ra, phần lớn các luận án tiến sỹ cũng có vấn đề về phương pháp nghiên cứu (Nguyễn Thị Cành, 2009). Do đó các công trình này khó được công bố trên các tạp chí uy tín trên thế giới mà chỉ có thể đăng trong nước (Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, 2010). Như vậy, nếu áp dụng chuẩn xếp hạng đại học có tính đến thứ hạng các công trình khoa học thì chúng ta sẽ bị thiệt thòi. Chỉ cần so sánh với Đại học Tôn Đức Thắng riêng khía cạnh NCKH cũng đã thấy nguy cơ này. Trường Đại học Tôn Đức Thắng đã có chiến lược NCKH khá tốt, với kết quả là họ có mười bốn bài báo khoa học (article) đăng trên tạp chí quốc tế và hai mươi tám

¹ Danh sách các tạp chí quốc tế được xếp hạng, tham khảo tại <http://www.journal-ranking.com/ranking/web/index.html>.



bài tham luận (proceeding) được đưa vào kỷ yếu của hội thảo quốc tế (Đại học Tôn Đức Thắng, 2011).

Những hạn chế trên có thể vì ba bất cập trong chính sách NCKH của Trường sau đây:

Thứ nhất, Trường chưa coi NCKH quan trọng như giảng dạy. Điều này có thể thấy rõ qua kế hoạch sinh hoạt khoa học không được xây dựng song song với lịch giảng dạy mỗi học kỳ. Trong khi theo Quy chế NCKH, đối với giảng viên và cán bộ hàng năm kế hoạch NCKH phải được các đơn vị trong toàn trường đăng ký, còn lịch sinh hoạt khoa học thì không thấy đề cập (Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, 2009). Cách làm như vậy cũng gây bất lợi cho giảng viên, do khó có thể tham gia các sinh hoạt này mà không ảnh hưởng giờ giảng.

Thứ hai, Trường ít có hoạt động giao lưu khoa học, kể cả nội bộ (giữa các bộ môn, các khoa, viện, tạp chí và các trung tâm). Đặc biệt, Trường có Trung tâm Hợp tác Quốc tế nhưng về học thuật, Trung tâm mới chỉ hỗ trợ giảng viên một số khóa học ngắn hạn miễn phí, tạo điều kiện cho một số giảng viên, cán bộ tham gia các hội thảo trong Asean Learning Network và tham quan nước ngoài, chứ chưa có hoạt động giao lưu NCKH nào đáng kể. Có thể thấy rõ điều này qua các hoạt động chính được xác định trên trang web của Trung tâm Hợp tác Quốc tế.

Thứ ba, giảng viên chưa có đủ phương tiện để nghiên cứu. Cụ thể, chưa có phòng làm việc yên tĩnh thuận tiện cho nghiên cứu cũng như chưa có các phần mềm chuyên dụng, thiếu số liệu và các tạp chí khoa học quốc tế quan trọng để cập nhật những kết quả nghiên cứu mới trong ngành. Mặc dù thư viện Trường Đại học Ngân hàng đã có một số tạp chí nước ngoài, nhưng chủ yếu là các tài liệu miễn phí, nên chưa có đủ các tạp chí quan trọng trong ngành. Ngoài ra, kỹ năng và khả năng nghiên cứu của từng

giảng viên mới chỉ được hỗ trợ qua một vài khóa ngắn hạn còn phần lớn là tự học.

Giải pháp

Trường cần thực hiện những giải pháp sau:

Thứ nhất, nên đặt NCKH đúng tầm quan trọng của nó. Thể hiện trước hết ở lịch sinh hoạt khoa học đầu các học kỳ, bao gồm nhiều cấp độ từ sinh hoạt chuyên môn ở bộ môn (hoặc khoa) đến hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường và hội thảo quốc tế (nếu có). Lịch này cần được ấn định cụ thể một số buổi nhất định trong tuần (hoặc trong tháng), tránh trùng lặp giữa các khoa, tránh trùng với lịch giảng để những người có liên quan dễ dàng tham dự. Có một nghịch lý rằng, giảng viên Trường thường xuyên bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho nhân viên ngân hàng nhưng bản thân họ hầu như chưa được Trường thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức. Kế đến, nên xem định mức nghiên cứu là tiêu chuẩn bắt buộc (để xét tiêu chuẩn được tiếp tục nghiên cứu hoặc giảng dạy tại Trường) chứ không chỉ là tiêu chuẩn có thể đánh đổi bằng giờ giảng. Ngoài ra, cần có chế độ khuyến khích liên quan tới nghiên cứu cụ thể và chi tiết hơn như: (i) Phân biệt chi tiết chất lượng công trình (hiện nay chúng ta đã có phân loại nhưng thiết nghĩ còn đơn giản). Ví dụ, hiện nay một bài đăng tạp chí quốc tế được tính 500 tiết nhưng chưa phân biệt chất lượng (ranking) của tạp chí đó (Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, 2009); (ii) Chính sách đãi ngộ phải đảm bảo người có thành quả nghiên cứu tốt không thiệt thòi về quyền lợi, ít nhất là thu nhập, so với người dạy nhiều.

Thứ hai, tăng cường bồi dưỡng thường xuyên kỹ năng và phương pháp nghiên cứu theo xu hướng hội nhập cho nghiên cứu viên và giảng viên, nhất là giảng viên mới. Nội dung bồi dưỡng cần chú trọng ba vấn đề sau: (i) Phát hiện ý tưởng nghiên cứu, ý tưởng ở đây phải mới và có giá trị khoa học



xảy ra vừa qua (Nguyễn Văn Tuấn, 2010). Đối với ba kỹ năng này, nghiên cứu viên và giảng viên cần được đào tạo và trao đổi kinh nghiệm thường xuyên, chứ không chỉ tham dự lớp học như hiện nay.

Thứ ba, nên có chính sách khuyến khích nghiên cứu viên và giảng viên tham gia các hội thảo uy tín, kể cả có đóng phí, trong và ngoài nước. Các hội thảo này thường bình duyệt bài viết rất kỹ trước khi chấp nhận.

hoặc thực tiễn. Hiện nay, trên thế giới, hầu như chủ đề nào cũng đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, nên việc xác định ý tưởng nghiên cứu có mới hay không là rất khó. Do vậy, để xác định ý tưởng nghiên cứu phù hợp rất cần sự hướng dẫn và giúp đỡ của những người có kinh nghiệm trong nghiên cứu và điều kiện tiên quyết là phải có đầy đủ cơ sở dữ liệu (tạp chí quan trọng trong và ngoài nước cũng như số liệu nghiên cứu). Về cơ sở dữ liệu cho nghiên cứu, có thể tham khảo cách làm của Đại học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh. Bước đầu, Trường này đã mua quyền truy cập Science Direct, Emerald, eBrary từ 15/9/2010 (Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2010); (ii) Chọn phương pháp nghiên cứu, sau khi có ý tưởng, cần phải có phương pháp nghiên cứu phù hợp với ý tưởng đó. Trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, muốn được các tạp chí khoa học có chất lượng chấp nhận, các nghiên cứu phải ứng dụng tốt các công cụ thống kê, kinh tế lượng (cho nghiên cứu thực nghiệm) hoặc toán học (cho nghiên cứu lý thuyết) (Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, 2010); (iii) Viết báo cáo nghiên cứu, khi đã có kết quả nghiên cứu thì cách viết báo cáo cũng rất quan trọng. Trong đó, chỉ riêng cách trích dẫn không đúng cũng có thể gây ra các lỗi đạo văn đáng tiếc, như một số trường hợp

Vì vậy, nếu bài của ai được chấp nhận thì họ xứng đáng được thanh toán chi phí tham dự hội thảo. Quy chế hoạt động NCKH hiện nay chưa đề cập đến lệ phí đăng ký bài ở hội thảo quốc tế và công tác phí khi tham dự các hội thảo này (Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, 2009) thay vì hiệu trưởng sẽ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể. Khi tham gia hội thảo quốc tế, họ có điều kiện học hỏi nhiều điều bổ ích và cũng là cơ hội làm cho nhiều người biết tới Trường; đây là cầu nối quan trọng cho hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và đào tạo sau này.

Thứ tư, nên tận dụng quan hệ hợp tác quốc tế để thúc đẩy NCKH của Trường. Muốn vậy, nên ưu tiên liên kết với các trường mạnh về NCKH (các đối tác hiện nay của Trường chưa phải là các đại học có thế mạnh về nghiên cứu). Ngoài ra, cần phải xác định, mục đích chính của hợp tác quốc tế không phải để cải thiện thu nhập mà là từng bước hội nhập về đào tạo và nghiên cứu. Vì vậy, nếu chúng ta không nâng nội lực NCKH và chủ động phối hợp NCKH với đối tác thì tính cạnh tranh trong hợp tác quốc tế sẽ kém. Hệ quả là các tổ chức tốt sẽ không ưu tiên lựa chọn chúng ta làm đối tác, mà điều này không có lợi cho Trường trong dài hạn.



Thứ năm, nên có phòng nghiên cứu cho giảng viên. Có thể dành vài phòng dùng chung cho mục đích nghiên cứu, với tiện ích tối thiểu (như kệ sách, máy in, internet, một số bàn làm việc chung) trước khi tiến tới có phòng riêng cho giảng viên. Trường có chiến lược xây dựng thư viện hiện đại và kỹ túc xá hiện đại nhưng chưa thấy có chiến lược xây dựng phòng làm việc và nghiên cứu cho giảng viên. Ngoài ra, cần trang bị các phần mềm chuyên dùng cho nghiên cứu (như End-Note, SAS, Stata, Eviews, SPSS), đồng thời cần có nhân viên hỗ trợ nghiên cứu chuyên trách để sử dụng hiệu quả các công cụ và dữ liệu nghiên cứu. Những người này được đào tạo chuyên trách và họ cũng là người nhận chuyển giao kỹ thuật khi Trường mua sắm các thiết bị, cơ sở dữ liệu và các phần mềm. Vấn đề này có thể học tập kinh nghiệm từ Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright Việt Nam. Còn nhớ, Trường đã từng tiếp nhận phòng lab từ Reuters nhưng vì không có nhân viên hỗ trợ kỹ thuật chuyên trách nên phòng này không phát huy hết tác dụng của nó.

Kết luận

Để có thành quả NCKH tốt cần thay đổi cả nhận thức lẫn cách làm. Hoạt động NCKH cần hội nhập quốc tế, bước đầu là tuân thủ phương pháp khoa học đã được cộng đồng khoa học thừa nhận, bước kế tiếp là đăng các kết quả NCKH hay trình bày kết quả ở các tạp chí chuyên ngành và hội thảo quốc tế. Để làm được điều đó cần đổi mới toàn diện lịch sinh hoạt khoa học, quy chế NCKH và chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ NCKH của giảng viên và nghiên cứu viên. Những biện pháp trình bày ở trên hoàn toàn khả thi và không quá tốn kém■

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định 121/2007/QĐ-TTg, ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020.

2 Nguyễn Thị Cành (2009). Một số ý kiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ tại Việt Nam nhìn từ thực trạng chất lượng đào tạo tiến sĩ các chuyên ngành kinh tế hiện nay. Bài trình bày tại Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh”.

3. Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh (2010). Chuyên mục tin Thư viện Trường Đại học Kinh tế. <http://www.lib.ueh.edu.vn/?ArticleId=5da4e85f-22d8-445c-912c-6e007757f08d>.

4. Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh (2009). Quy chế về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với giảng viên và cán bộ công chức Trường Đại học. <http://buh.edu.vn/Upload/633958055415312563.pdf>.

5. Đại học Tôn Đức Thắng (2011). Các bài báo công bố quốc tế. http://www.tut.edu.vn/index.php?option=com_content&view=category&id=112

6. Văn Như Cương (2009). Giá trị thực của nghiên cứu khoa học. http://www.diendantoanhoc.net/vmf/index.php?option=com_ccboard&view=postlist&forum=25&topic=135&Itemid=474.

7. Thanh Hà (2008). Xếp hạng đại học Việt Nam: Liệu có khách quan, đáng tin cậy?. <http://tuoitre.vn/Giao-duc/289054/Xep-hang-dai-hoc-Viet-Nam-Lieu-co-khach-quan-dang-tin-cay.html>.

8. Nguyễn Văn Tuấn (2009). Một vài ngộ nhận về nghiên cứu khoa học. <http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?abid=78&CategoryID=32&News=2804>.

9. Nguyễn Văn Tuấn (2010). Đạo văn và tác giả ma trong học thuật: vấn đề hệ thống. <http://nguyenvantuan.net/science/4-science/1122-dao-van-va-tac-gia-ma-trong-hoc-thuat-van-de-he-thong>.

10. Nguyen Lan Phi and Anwar, S. (2011). Fiscal decentralisation and economic growth in Vietnam. *Journal of the Asia Pacific Economy*, 16 (1), 3 - 14.